TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cao Trí và bà Huỳnh Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thạnh -Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2024/TLST.HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 241/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 266/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Kiều L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số F tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số F tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày ngày 03/5/2024, bà Mai Thị Kiều L trình bày và có ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Giữa bà Mai Thị Kiều L và ông Lê Văn T do quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 128, ngày 09/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, ông Lê Văn T thường xuyên đi nhậu, say xỉn về đánh đập vợ

con không lo cho gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được, cả hai đã có thời gian ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Mai Thị Kiều L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 04/02/1999; Lê Văn X, sinh ngày 26/10/2000; Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019. Ý kiến của cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; đối với các con chung Lê Văn V, sinh ngày 04/02/1999; Lê Văn X, sinh ngày 26/10/2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lê Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Mai Thị Kiều L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 01/3/2024, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Mai Thị Kiều L. Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Lê Văn T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mai Thị Kiều L và ông Lê Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Mai Thị Kiều L và ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Kiều L, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Lê Văn T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Kiều L. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Kiều L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Mai Thị Kiều L được ly hôn với ông Lê Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Lê Văn V, Lê Văn X, Lê Thị Kim T1 và Lê Văn S, lời trình bày của bà Mai Thị Kiều L thì giữa bà L và ông Lê Văn T có con chung là Lê Văn V, sinh ngày 04/02/1999; Lê Văn X, sinh ngày 26/10/2000; Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019; hiện con chung chưa thành niên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019 do bà Mai Thị Kiều L đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, theo nội dung biên bản xác minh tại Văn phòng ấp L xã Ô, huyện C tỉnh An Giang con chung được chưa thành niên tên Lê Thị Kim T1 và Lê Văn S do bà Mai Thị Kiều L giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng; hơn nữa con chung chưa thành niên Lê Thị Kim T1 cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ Kiều L trong trường hợp cha và mẹ ly hôn vậy nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập nên bà Mai Thị Kiều L yêu cầu được nuôi con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019 cho bà Mai Thị Kiều L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Mai Thị Kiều L và các thành viên trong gia đình của bà Mai Thị Kiều L không được cản trở ông Lê Văn T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Mai Thị Kiều L không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Kiều L trình bày giữa ông và ông Lê Văn T về tài sản chung là không yêu cầu giải quyết và nợ chung là không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Lê Văn T để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] *Về án phí:* Bà Mai Thị Kiều L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Kiều L và ông Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 128 ngày 09/8/2011 do Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Mai Thị Kiều L và ông Lê Văn T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con: Có 04 (bốn) con chung gồm Lê Văn V, sinh ngày 04/02/1999; Lê Văn X, sinh ngày 26/10/2000; Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019.

Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 15/4/2007 và Lê Văn S, sinh ngày 19/10/2019 cho bà Mai Thị Kiều L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Mai Thị Kiều L và các thành viên trong gia đình của bà Mai Thị Kiều L không được cản trở ông Lê Văn T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Mai Thị Kiều L không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Kiều L trình bày về tài sản chung là không yêu cầu giải quyết và nợ chung là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005608 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Mai Thị Kiều L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Kiều L và ông Lê Văn T vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Ô Long Vĩ;
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Võ Việt Nam